

Phụ lục số 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **798** /BC-TMD

Quảng Ninh, ngày **09** tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN
NĂM 2019

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, Đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 10 năm 2016.
- Vốn điều lệ: 214.183.460.000 đồng (*Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 214.183.460.000 đồng (*Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).
- Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (0203) 3868 271/ 3868 272.
- Fax: (0203) 3868 276.
- Website: mongduongcoal.vn
- Mã cổ phiếu: **MDC**.

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Quá trình hình thành

Ngày 01 tháng 04 năm 1982 mỏ than Mông dương- Khe Chàm được thành lập trực thuộc Liên hiệp than Hòn Gai- Bộ Mỏ và Than;

Tháng 4 năm 1987 tách thành 2 mỏ: Mỏ than Mông Dương và Mỏ than Khe Chàm trực thuộc Công ty than Cẩm Phả- Bộ Năng Lượng;

Ngày 29 tháng 12 năm 1997 Mỏ than Mông Dương được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ của

Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam- Vinacomin) theo Quyết định số 24-1997/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;

Ngày 01 tháng 10 năm 2001 Hội đồng Quản trị Tổng công ty than Việt nam ban hành Quyết định số 405/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- Doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt nam.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006 Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2456/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- TKV.

b) Chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần

Ngày 18 tháng 12 năm 2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3673/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty Than Mông Dương- TKV.

Công ty Than Mông Dương- TKV đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà Nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ 02 tháng 01 năm 2008 với tên giao dịch là: Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV. Công ty có vốn điều lệ là: 120.850.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam); trong đó vốn Nhà nước nắm giữ là: 54,03%;

Dưới sự hướng dẫn của Tập Đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 4648/TKV-HĐTV ngày 19/8/2010 và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã làm thủ tục đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV sang Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin và tăng vốn điều lệ từ 120.850.000.000 đồng lên 150.839.520.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng. Đăng ký vốn Điều lệ và đổi tên Công ty từ ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Năm 2016, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã phát hành 6.334.394 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ từ 150.839.520.000 đồng lên 214.183.460.000 đồng. Đăng ký vốn Điều lệ của Công ty từ ngày 28 tháng 10 năm 2016.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng (ngành nghề chính).

- Địa bàn hoạt động chính: Công ty khai thác, chế biến, tiêu thụ than trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

- + Đại hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;
- + Ban Kiểm soát: 03 thành viên;
- + Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);
- + Ban Giám đốc có: 01 Giám đốc điều hành, 05 Phó Giám đốc;
- + Kế toán trưởng: 01 thành viên;
- + Các phòng ban, công trường phân xưởng gồm: 13 Phòng ban, 01 Trạm y tế, 26 Phân xưởng đơn vị sản xuất.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không

5. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển chung và dài hạn: Trong năm 2019, Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hầm lò hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam với công nghệ cơ giới hoá từ việc đi lại trong lò đến khâu khai thác.

+ Áp dụng công nghệ khai thác hợp lý đối với vỉa dốc >45 độ nhằm tận thu tối đa tài nguyên bằng công nghệ sử dụng dàn mềm ZRY.

+ Duy trì diện sản xuất ổn định cho máy com bai đào lò (AM-50Z) đối với gương lò than tiết diện lớn nhằm tăng sản lượng, tiến độ, cùng với việc sử dụng băng tải đưa vào hoạt động phục vụ thi công đào lò và khai thác lò chợ nhằm giảm nhân lực dây chuyền và tăng năng suất lao động.

+ Đẩy nhanh tiến độ dự án xuống sâu khai thác dưới mức -250; nhằm duy trì ổn định sản xuất cho các năm tiếp theo khi kết thúc khai thác mức -250.

+ Nâng cao năng lực vận tải mỏ khu trung tâm mỏ Mông Dương.

+ Hoàn thiện dự án nâng cao năng lực thoát nước mỏ ứng phó điều kiện biến đổi khí hậu cực đoan.

6. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

- Đối với Công ty điều kiện làm việc trung ở độ sâu dưới từ mức -100 đến -250 so với mực nước biển, nằm dưới các khu vực đã khai thác cũ, khu vực đổ thải, khu vực đã khai thác lộ vỉa, các khu vực này đều có nguy cơ tàng trữ nước

rồi thấm thấu trực tiếp xuống các đường lò từ mức -100 đến -250 gây nguy cơ bục nước, khí trong quá trình khai thác và đào lò.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

- Thời gian công nhân để gắn bó làm việc với nghề khai thác mỏ là rất ngắn do đó việc đào tạo và bố trí nhân lực cho đủ dây chuyền sản xuất chưa đạt được.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:

T T	Danh mục	ĐVT	KHPL201 9 (CV. 6736/TKV)	KHĐC 2174/QĐ- TKV	THỰC HIỆN NĂM 2019	% TH/KH ĐIỀU CHỈNH	% Cùng kỳ năm 2018
A	Sản xuất						
I	Than sản xuất	Tấn	1.550.000	1.590.000	1.627.000	102	107
1	Than hầm lò	Tấn	1.400.000	1.440.000	1.477.000	103	110
2	Than Lộ thiên	Tấn	150.000	150.000	150.000	100	80
	- Nội bộ làm	“		55.000	58.000	105	50
	- Than giao thầu	“		95.000	92.000	97	128
II	Bóc đất đá	M ³	1.265.000	1.480.000	1.446.000	98	71
1	Tự làm	M ³	238.000	398.000	422.000	106	62
2	Thuê thầu khai thác	M ³	1.027.000	1.082.000	1.024.000	95	75
III	Hệ số bóc đất đá	m ³ /tấn			9,6		
IV	Mét lò đào tổng số	M	19.000	17.200	17.300	101	109
1	Đào lò CBSX	M	19.000	17.200	17.300	101	109
	- Nội bộ làm	“	15.000	15.020	15.430	103	105
	- Mét lò neo	“	4.000	3.000	2.790	93	201
	- Mét lò đào thuê ngoài	“	4.000	2.180	1.870	86	160
V	Lò xén + xén khô phục	M	2.500	3.500	3.750	107	137
VI	Hệ số bóc mét lò đào	m/tấn			11,7		
B	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	1.521.000	1.555.000	1.581.000	102	107
1	Than NK giao NMT	Tấn	1.300.000	1.300.000	1.325.000	102	105
2	Than sạch giao KV	Tấn	221.000	255.000	256.000	100	124
C	Giá trị đầu tư	Tr.đ	205.621	111.550	94.736	85	
	Xây lắp	Tr.đ	12.277	7.463	6.083	82	
	Thiết bị	Tr.đ	162.827	94.323	83.960	89	

T T	Danh mục	ĐVT	KHPL201 9 (CV. 6736/TKV)	KHĐC 2174/QĐ- TKV	THỰC HIỆN NĂM 2019	% TH/KH ĐIỀU CHỈNH	% Cùng kỳ năm 2018
	Khác	Tr.đ	30.517	9.764	4.693	48	
D	Doanh thu tổng số	Tr.đ	1.918.521	2.029.166	2.089.387	103	160
E	Lợi nhuận tổng số	Tr.đ	26.266	38.950	43.894	113	147
F	Số lao động	Người	3.309	3.309	3.290	99	
G	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/t h	13,665	13,807	14,672	106	113
H	Lương BQ CN lò	Tr.đ/ng/t h	17,437	17,437	19,428	111	119
I	Tồn kho	Tấn			46.000		128

2. Tổ chức và nhân sự

a) *Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ % MDC		Ghi chú
			Đại diện	Cá nhân	
1	Nguyễn Quế Thanh	Giám đốc		0	
2	Tạ Văn Bền	P.Giám đốc		0,041	
3	Vũ Tiến Quang	P.Giám đốc		0,005	
4	Hoà Quang Trung	P.Giám đốc		0,016	
5	Hoàng Trọng Hiệp	P.Giám đốc		0,004	
6	Nguyễn Hữu Hùng	P.Giám đốc		0,008	
7	Phạm Cẩm Hải	KT trưởng		0	

b) *Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành:* Trong năm 2019, Công ty không có sự thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành.

c) *Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty:* Tổng số lao động trung bình trong năm của Công ty: 3.339 người. Mức lương bình quân năm 2019: 14.672.000 đồng/người-tháng.

d) *Chính sách đối với người lao động*

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/ năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/ năm; Duy trì tắm nóng, ăn tự chọn, chế độ tiền lương được cải thiện, bình quân đạt 14.672.000 đồng/người-tháng. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Theo kế hoạch ĐTXD năm 2019 (điều chỉnh) được TKV thông qua tại Văn bản số 5289/TKV-ĐT ngày 22/10/2019, Công ty thực hiện bao gồm:

- Chuyển tiếp 04 dự án gồm: (i) Khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương-Công ty than Mông Dương (Điều chỉnh); (ii) Xây dựng nhà ở công nhân; (iii) Đầu tư thiết bị DT SX năm 2018; (iv) Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương.

- Khởi công mới 02 dự án gồm: (i) Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019; (ii) Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác áp dụng Cơ giới hoá đồng bộ thu hồi than nóc hạng nhẹ tại Công ty CP than Mông Dương.

- Chuẩn bị 10 dự án gồm: (i) Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án giếng đứng phụ (+10/-425) khu Trung tâm Mông Dương; (ii) Đầu tư tự động hoá hệ thống bơm và kiểm soát nước mỏ tại hầm bơm mức -250 khu Đông Bắc Mông Dương-Mỏ than Mông Dương; (iii) Báo cáo kinh tế kỹ thuật Đầu tư hệ thống tự động hoá trạm quạt gió chính-Công ty CP than Mông Dương; (iv) Đầu tư thiết bị lò chợ giá thủy lực di động liên kết bằng xích-Công ty CP than Mông Dương; (v) Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2020-Công ty CP than Mông Dương (vi) BCKTKT đầu tư xây dựng trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt công suất 1000m³/ ngày đêm và xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200m³/ngày đêm; (vii) Báo cáo KTKT đầu tư XDCT đường sắt khu vực kho than khu TTMD; (viii) Dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực đào lò mỏ than Mông Dương-Công ty CP than Mông Dương; (ix) Báo cáo KTKT dự án khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương; (x) Đầu tư hệ thống phun sương dập bụi cao áp cho các kho chế biến. Các dự án trong năm 2019 đã thực hiện:

3.1. Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh):

Mục tiêu đầu tư nhằm duy trì sản lượng khai thác than mỏ than Mông Dương theo Quy hoạch phát triển ngành Than Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, tổng mức đầu tư dự án 1.192.725 triệu đồng. Trong năm 2019 Công ty đã thi công hoàn thiện và đưa vào sử dụng 01 hạng mục còn lại của dự án: Hệ thống cấp nước trong lò (cấp nước cứu hoả). Kế hoạch Công ty sẽ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2020.

3.2. Dự án Xây dựng nhà ở công nhân:

Mục tiêu đầu tư là phục vụ nhu cầu nhà ở tập thể cho công nhân (hộ độc thân) của Công ty. Tổng mức đầu tư dự án 267.368 triệu đồng được chia làm hai giai đoạn, giai đoạn I xây dựng lô C2 với tổng mức đầu tư 69.804 triệu đồng thời gian thực hiện năm 2013-2014, giai đoạn II xây dựng lô C1, C3 thời gian thực hiện năm 2015-2016.

Lô C2 đã được Công ty xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2017. Trong năm 2019 Công ty thực hiện điều chỉnh quy mô của dự án đồng thời thực hiện kiểm toán. Kế hoạch quý II/2020 Công ty trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

3.3. Dự án Đầu tư thiết bị DTSX năm 2018:

Mục tiêu đầu tư: Đầu tư bổ sung thay thế một số thiết bị trong dây chuyền sản xuất đã hỏng hết khấu hao không còn sử dụng được, một số thiết bị đang sử dụng nhưng đặc tính kỹ thuật không còn phù hợp, công suất thấp. Trong năm 2019 Công ty thực hiện một số hạng mục còn lại của dự án: Mua sắm thiết bị tủ nạp; Xây dựng hệ thống tưới nước dập bụi mặt bằng sân công nghiệp +10 đồng thời thực hiện xong công tác kiểm toán, quyết toán dự án trong quý IV năm 2019.

3.4. Dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương:

Mục tiêu đầu tư dự án để ứng cứu sự cố trong điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan xảy ra có mưa lớn kéo dài dẫn đến lưu lượng nước chảy vào hầm lò tăng đột biến gây ngập mỏ. Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 4324/TKV-ĐT ngày 12/9/2017, Công ty phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-TMD ngày 03/10/2017 với tổng mức đầu tư của dự án 103.146 Tr.đồng.

Trong Năm 2019 Công ty đã thực hiện xong 01 hạng mục còn lại của dự án: Đường dây trên không 6kV đến trạm PP 6kV mặt bằng +40 ĐBMD và thực hiện Quyết toán dự án trong quý IV năm 2019.

3.5. Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019:

Mục tiêu đầu tư dự án: Đầu tư bổ sung thay thế một số thiết bị trong dây chuyền sản xuất đang sử dụng đã hết khấu hao không còn sử dụng lại được, đầu tư bổ sung một số thiết bị có đặc tính kỹ thuật không còn phù hợp, công suất thấp. Dự án được Tập đoàn TKV thông qua tại văn bản số 2114/TKV-ĐT ngày 26/4/2019 với tổng mức đầu tư là 103.079 Tr.đồng. Năm 2019 Công ty đã thực hiện phần lớn hạng mục của dự án. Khối lượng còn lại chuyển tiếp năm 2020 gồm các hạng mục: Thiết bị Lò nướng bánh mỳ, Xây dựng Móng và mái che băng tải ; Thảm tra quyết toán; Kiểm toán dự án hoàn thành.

3.6. Dự án Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác áp dụng Cơ giới hoá đồng bộ thu hồi than nóc hạng nhẹ tại Công ty CP than Mông Dương:

Mục tiêu đầu tư: Đổi mới công nghệ, nâng cao mức độ an toàn và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; Giảm tối đa số người làm việc trực tiếp trong lò chợ; Nâng cao sản lượng khai thác, năng suất lao động trực

tiếp; Giảm tiêu hao vật tư, giảm giá thành khai thác; Duy trì sản lượng mỏ đáp ứng kế hoạch của TKV giao hàng năm. Dự án được Tập đoàn TKV thông qua tại văn bản số 3556/TKV-ĐT ngày 12/7/2019 với tổng mức đầu tư là 118.279 Tr.đồng. Trong năm 2019 Công ty đã lựa chọn được nhà thầu cung cấp thiết bị cơ giới hóa và cung cấp dịch vụ tư vấn Lập thiết kế BVTC; Giám sát; Quản lý dự án.

3.7. Dự án Đầu tư thiết bị lò chợ giá thủy lực di động liên kết bằng xích-Công ty CP than Mông Dương:

Mục tiêu đầu tư: Thay thế lò chợ chống bằng giá thủy lực di động XDY, nâng cao mức độ an toàn và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Nâng cao năng suất lao động trực tiếp và duy trì sản lượng mỏ đáp ứng kế hoạch của đơn vị và TKV giao hàng năm. Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương đầu tư sau đó Công ty đã lập xong dự án và được TKV thông qua nội dung dự án phân thực hiện dự án được chuyển tiếp sang năm 2020.

3.8. Dự án Đầu tư tự động hoá hệ thống bơm và kiểm soát nước mỏ tại hầm bơm mức -250 khu Đông Bắc Mông Dương-Mỏ than Mông Dương

Mục tiêu đầu tư : Tự động hóa công tác vận hành trạm bơm thoát nước tại mức -250 khu Đông Bắc Mông Dương, giảm nhân lực trực tiếp nâng cao hiệu quả điều hành. Năm 2019 Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương đầu tư, Công ty lập xong dự án và trình TKV, hiện nay dự án đang được TKV thẩm định. Khi TKV thông qua nội dung Công ty sẽ thực hiện đầu tư hoàn thành trong năm 2020.

3.9. Báo cáo kinh tế kỹ thuật Đầu tư hệ thống tự động hoá trạm quạt gió chính-Công ty CP than Mông Dương.

Mục tiêu đầu tư: Tự động hóa công tác vận hành 02 trạm quạt gió chính , giảm nhân lực trực tiếp nâng cao hiệu quả điều hành trong sản xuất. Năm 2019 Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương đầu tư và được TKV thông báo trong kế hoạch đầu tư năm 2020. Dự án đã được HĐQT phê duyệt . Kế hoạch năm 2020 Công ty thực hiện thành dự án này.

3.10. Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2020- Công ty CP than Mông Dương và Dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực đào lò mỏ than Mông Dương-Công ty CP than Mông Dương.

Mục tiêu đầu tư: Thay thế những thiết bị đã hết khấu hao, bổ sung một số thiết bị phục vụ cho kế hoạch sản xuất năm 2020. Năm 2019 Công ty đã lựa chọn được nhà thầu lập dự án. Kế hoạch quý I năm 2020 sẽ trình Tập đoàn TKV thẩm định, thông qua dự án và thực hiện hoàn thành trong năm 2020.

3.11. Báo cáo KTKT dự án khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương:

Mục tiêu đầu tư: Tận thu triệt để trữ lượng tài nguyên có trong ranh giới khai thác. Trong năm 2019 Công ty đã lập xong hồ sơ dự án. Kế hoạch năm 2020 lập ĐTM và quy hoạch khai thác dự án làm cơ sở để trình phê duyệt.

3.12. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án giếng đứng phụ (+10:- -425) khu Trung tâm Mông Dương.

Năm 2019 Công ty lập xong đề cương dự toán Lập phương án Khai thông tầng -250/-550. Kế hoạch năm 2020 lập xong phương án trình TKV thông qua làm cơ sở để lập dự án.

3.13. BCKTKT đầu tư xây dựng trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt công suất 1000m³/ ngày đêm và xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200m³/ngày đêm

Mục tiêu đầu tư: Xây dựng trạm xử lý nước để phục vụ cho sinh hoạt tắm, giặt của cán bộ công nhân hàng ca. Nguồn nước được lấy từ trạm xử lý nước thải hầm lò của Công ty Môi trường TKV. Năm 2019 Công ty lựa chọn Nhà thầu lập dự án, kế hoạch năm 2020 hoàn thành công tác chuẩn bị để khởi công xây dựng.

3.14. Kết quả thực hiện kế hoạch

Theo kế hoạch điều chỉnh của Công ty được TKV thông qua tại văn bản số 5289/TKV-ĐT ngày 22/10/2019 với tổng giá trị 94.736/111.550 Triệu đồng đạt 85% kế hoạch

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2019

TT	CHỈ TIÊU	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ		% Tăng giảm (3=1/2)
		NĂM NAY 2019 (1)	NĂM TRƯỚC 2018 (2)	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.077.359.207.678	1.957.178.368.772	106,14
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.077.359.207.678	1.957.178.368.772	106,14
4	Giá vốn hàng bán	1.841.387.402.826	1.740.492.630.571	105,80
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	235.971.804.852	216.685.738.201	108,90
6	Doanh thu hoạt động tài chính	697.729.929	626.678.997	111,34
7	Chi phí tài chính	51.549.795.614	71.795.972.544	71,80
	Trong đó: chi phí lãi vay	61.758.267.314	65.910.242.544	93,70
8	Chi phí bán hàng	16.967.877.302	18.612.137.993	91,17
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	99.852.742.542	97.563.856.995	102,35
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	68.299.119.323	29.340.449.666	232,78

11	Thu nhập khác	11.497.882.005	829.508.474	1.386,11
12	Chi phí khác	35.902.899.626	212.956.110	16.859,30
13	Lợi nhuận khác	(24.405.017.621)	616.552.364	(3.958,30)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.894.101.702	29.957.002.030	146,52
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.358.736.472	7.533.977.344	256,95
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(674.231.263)	674.231.263	(100,00)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.209.596.493	21.748.793.423	115,91
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.177	1.015	115,91

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,654	0,54	
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	0,606	0,46	
<i>(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,832	0,80	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	4,949	3,89	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	54,870	49,30	
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,372	1,75	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DT Thuần	0,011	0,012	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0,091	0,104	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,015	0,021	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ DT Thuần	0,015	0,033	

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Thuế	294.310.057.715	367.858.336.652
-	Thuế giá trị gia tăng	107.126.099.887	119.917.984.736
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.431.071.070	13.069.440.684
-	Thuế thu nhập cá nhân	4.560.185.959	9.076.060.211

-	Thuế tài nguyên	171.796.895.109	221.699.383.517
-	Thuế đất và tiền thuê đất	3.368.023.490	4.057.447.504
-	Các loại thuế khác	27.782.200	38.020.000
2	Các loại phí và lệ phí	118.334.709.960	120.525.310.540
-	Phí bảo vệ môi trường	14.358.553.960	16.549.154.540
-	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	103.976.156.000	103.976.156.000
	Tổng cộng	412.644.767.675	488.383.647.192

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 21.418.346 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	Cơ cấu cổ đông	21.418.346	100%	21	2.074
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	11.571.854	54,03%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	3.639.268	16,99%	1	
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	479.734	2,239%		1
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	5.727.489	26,74%	19	2.073
	<i>Trong đó cổ đông là CBCNV trong Công Ty</i>	<i>1.689.907</i>	<i>7,89%</i>		<i>968</i>
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		
B	Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	11.571.854	54,03%	1	
2	Vốn nước ngoài	3.815.690	17,81%	3	10

*** Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty**

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 12.408.000 cổ phần, chiếm 57,93% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Raw & Refined Commodities ag – Thụy Điển: nắm giữ 3.639.268 cổ phần, chiếm 16,99 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:*

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2019 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. *Các chứng khoán khác:* (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng theo công nghệ khai thác lò đứng. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là thiết bị đào lò và giàn chống, giá chống thủy lực phục vụ cho khai thác than.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ trực tiếp: 29.245.612 kw/h;

- Tiêu thụ gián tiếp: 18.356 lít dầu diesel và 1.022,5 tấn than.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: 998.000 kw/h

6.3. Tiêu thụ nước xử lý nước thải:

a) Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin tiêu thụ nước sạch từ 02 nguồn cung cấp nước chính: (i) Nguồn nước từ xử lý tái sử dụng từ các trạm xử lý nước thải mỏ; (ii) Nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả. Trong năm 2019 lượng nước tiêu thụ cụ thể như sau:

- Nguồn nước từ xử lý tái sử dụng từ các trạm xử lý nước thải mỏ cung cấp cho các nhu cầu như: Tắm giặt, các khu vệ sinh, phun sương dập bụi... là: 124.500.000 m³;

- Nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả phục vụ ăn uống, lọc nước tinh khiết là: 32.939 m³.

b) Tổng lượng nước thải đã xử lý qua Công ty TNHH MTV Môi trường TKV là: 6.315.545 m³; Chi phí xử lý nước thải trong năm 2019: 17.998 tỷ đồng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động trung bình trong năm của Công ty: 3.339 người. Mức lương bình quân năm 2019: 14.672.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty đã tập trung đầu tư lò chợ cơ giới hóa, hệ thống cơ giới hóa tối đa vận chuyển vật liệu cho hầm lò. Đặc biệt là vận chuyển gần gương cho các đơn vị đào lò; Duy trì hệ thống vận chuyển người trên các tuyến lò nghiêng, các tuyến lò bằng đến gần vị trí làm việc; Ngoài ra duy trì và đầu tư đổi mới thiết bị khoan, xúc đất đá cho các gương lò đào, các thiết bị công nghệ mới trong hệ thống vận chuyển.... để giảm sức lao động cho công nhân hầm lò.

- Tập trung soát xét và tổ chức sử dụng triệt để tối đa các loại vật tư vật liệu và khai thác tối đa tài nguyên than để giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận và có cổ tức cho Cổ đông.

- Thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tennis và các hoạt động VHVN khác.

- Tổ chức cho 3.004 CBCNV các đơn vị trong Công ty đi nghỉ dưỡng sức cuối tuần (thứ 7 và chủ nhật).

- Tổ chức cho CBCN thuộc đối tượng bị mắc bệnh bụi phổi silico đi rửa phổi: tổng 10 đợt 40 người

- Duy trì tốt chế độ ăn cơm giữa ca tự chọn cho CBCN đảm bảo đủ lượng và chất dinh dưỡng;

- Trợ cấp khó khăn thường xuyên: 26 người với số tiền 130.000.000đồng.

- Thăm hỏi ốm đau, thai sản, thăm viếng thân nhân CBCNV: 863 lượt người với số tiền là 757.000.000đồng.

- Công ty đóng đầy đủ, kịp thời chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng luật định (BHXH, BHYT, BHTN, BH TNLĐ-BNN)

- Giải quyết chế độ nghỉ ốm trong năm 2019 là 9.260 lượt người với tổng số 19.824 ngày công.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm, số lượt người được khám lần I là: 2776 người đạt 97,8%. Số lượt người khám đợt II là: 3030 người đạt 96,7%.

- Khám chữa bệnh tại cơ sở: Tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh, cấp phát thuốc điều trị ngoại trú cho CBCNV trong Công ty theo đúng luật BHYT quy định. Tổng số: 9460 lượt; Số tiền khám BHYT:259.773 đ. (tính đến 30/11/2019)

- Thực hiện nghiêm túc, các chế độ chính sách đối với người lao động, duy trì sử dụng các quỹ (khen thưởng, phúc lợi, hoạt động xã hội) để khuyến khích CBCN trong lao động sản xuất và hỗ trợ, trợ cấp CBCNV có hoàn cảnh khó khăn...

c) Hoạt động quản lý, đào tạo người lao động:

- *Công tác quản lý lao động:*

Đến thời điểm 31/12/2019 nhân lực của Công ty là 3339 người, tăng 220 người so với thời điểm 31/12/2018, tuy nhiên số lao động tăng là lực lượng lao động chính thợ lò, cơ điện lò, trong khi đó lao động phục vụ phụ trợ và lao động quản lý giảm do vậy cơ cấu lực lượng lao động đã được sắp xếp hợp lý hơn theo chủ trương của Tập đoàn.

- *Công tác tuyển dụng lao động:*

* Các việc đã thực hiện:

+ Kéo dài tuyến xe đưa đón công nhân vào các huyện Bình Liêu, Đầm Hà để thu hút thêm lao động vùng Miền Đông.

+ Giao chỉ tiêu tuyển lao động cho các đơn vị, đồng thời có chế độ khuyến khích hỗ trợ cao (2.000.000đồng/hồ sơ) tạo động lực cho CBCNV tham gia công tác tuyển dụng lao động cho Công ty.

+ Duy trì các chế độ ưu đãi, phục vụ thợ lò: Ăn định lượng, nước tắm, giặt quần áo bảo hộ lao động, điều trị điều dưỡng sức khỏe, rửa bụi phổi, khám sức khỏe định kỳ, đổi mới cách thức ăn bồi dưỡng giữa ca... ở mức độ cao hơn, chất lượng và chu đáo hơn để thu hút giữ chân thợ lò.

* Kết quả thực hiện năm 2019:

Năm 2019 Công ty tuyển dụng 569 lao động khai thác mỏ hầm lò (535 khai thác, 34 cơ điện), tăng 362 lao động so với năm 2018. Đây là năm đầu tiên trong 3 năm gần đây số lao động hầm lò tuyển dụng được cao hơn số lao động giảm (nghỉ hưu, chấm dứt HĐLĐ, bỏ việc...) nên duy trì được lực lượng lao động, góp phần duy trì hoạt động sản xuất của Công ty ngày càng ổn định, bền vững.

- *Công tác tuyển học sinh nghề khai thác mỏ hầm lò gửi đi đào tạo tại Trường Cao đẳng TKV:*

* Các việc đã thực hiện:

Công tác tuyển sinh: Xác định công tác tuyển sinh nghề khai thác mỏ hầm lò ngày càng khó khăn, đặc biệt đối với Công ty do đặc thù về điều kiện địa lý, khai thác ngày càng xuống sâu...nên ngay từ đầu năm Công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp để thu hút học sinh như:

+ Công ty đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh đào tạo công nhân kỹ thuật các nghề mỏ hầm lò năm 2019 đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 2227/QĐ-TKV, ngày 24/12/2018.

+ Kéo dài tuyến xe đưa đón từ Tiên Yên về Đầm Hà, bổ sung xe đưa đón từ Thị trấn huyện Bình Liêu; Cử 05 Đoàn công tác của Công ty về các địa phương này để tuyên truyền tuyển sinh.

+ Phối hợp với Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản tổ chức lớp đào tạo hệ sơ cấp vận hành học tại Công ty (Công ty bố trí lớp học, phục vụ ăn uống, xe đưa đón học sinh các huyện Đầm Hà, Tiên Yên, Bình Liêu).

+ Có chế độ khuyến khích phù hợp cho CBCNV tham gia công tác tuyển sinh (thưởng 2.000.000 đồng/01 học sinh. Thưởng cho các tập thể đơn vị hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh do Công ty giao từ 15.000.000 -:-30.000.000 đồng), năm 2019 CBCNV các đơn vị đã tham gia tuyển được 139 học sinh góp phần vào kết quả tự tuyển của Công ty đạt cao so với kế hoạch Tập đoàn giao.

+ Mỗi quý một lần Công ty cùng Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản tổ chức họp đánh giá kết quả tuyển sinh, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc để hoàn thành chỉ tiêu theo KH được giao.

* Kết quả thực hiện năm 2019:

Kết quả đã phối hợp với các Trường Cao đẳng TKV tuyển sinh và đào tạo 268/250 học sinh nghề khai thác mỏ hầm lò và cơ điện mỏ hầm lò đạt 107,2 % KH năm, trong đó:

+ Công ty tuyển: $139/50 = 278\%$ KH.

+ Nhà Trường tuyển $129/200 = 64,5\%$ KH.

Năm 2019 kết quả tự tuyển của Công ty đã có những tín hiệu tích cực Công ty tuyển được 139/50 học sinh đạt 278% KH năm.

Số học sinh Nhà trường tuyển được 129/200 học sinh đạt 64,5% không hoàn thành KH năm.

- Công tác đào tạo khác:

+ Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho 235 cán bộ, nhân viên các đơn vị trong Công ty.

+ Huấn luyện thêm nghề, bồi dưỡng tay nghề bậc thợ cho 496 công nhân các phân xưởng SX trong Công ty.

+ Huấn luyện chuyển giao công nghệ mới cho 283 cán bộ công nhân các đơn vị trong Công ty.

+ Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và đánh giá kỹ năng nghề theo Luật An toàn, cho 2.255 lượt người thuộc danh mục nghề bắt buộc phải đào tạo huấn luyện.

+ Đào tạo bồi dưỡng chính trị, an ninh, quốc phòng cho 162 cán bộ, công nhân viên trong Công ty, đạt 100% kế hoạch năm.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ SX đối với nhà nước, đời sống của cán bộ, công nhân viên luôn luôn được cải thiện, các phong trào quyền góp ủng hộ, công tác xây dựng địa phương, công tác xã hội luôn được Công ty coi trọng và tham gia đầy đủ; Chính sách thu hút nhân tài, người lao động luôn được quan tâm.

Năm 2018, Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện đi lại và làm việc cho công nhân hầm lò, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2019, tình hình kinh tế và thương mại toàn cầu có bước tăng trưởng. Trong nước Đảng và Chính phủ đã tích cực triển khai thực hiện thanh kiểm tra phòng chống tham nhũng;

Nhu cầu thị trường than trong nước cuối năm 2019 tăng cao do nhu cầu sử dụng năng lượng tăng lên, các nhà máy nhiệt điện tăng công suất làm cho nhu cầu dùng than trong nước tăng đột biến; giá than và giá một số loại khoáng sản tăng; điều kiện thời tiết thuận lợi. Tập đoàn đã điều chỉnh tăng thêm sản lượng cung cấp than sản xuất điện, đồng thời tổ chức phát động chiến dịch thi đua 90 ngày đêm sản xuất và tiêu thụ than; hưởng ứng chiến dịch, tập thể, CBCNV lao động toàn Công ty đã phát huy tối đa mọi nguồn lực, cùng nhau đoàn kết, do đó Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD năm 2019;

Đạt được thành tích nêu trên ngoài sự cố gắng nỗ lực của cán bộ, CNVC toàn Công ty trong việc điều hành sản xuất, còn có sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam và sự phối hợp giúp đỡ của chính quyền địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn một số khó khăn đó là: Đối với Công ty sản xuất ngày càng xuống sâu, đi xa, điều kiện địa chất biến động mạnh khai thác khó khăn; thuế phí ở mức cao, thẩm định các dự án, cấp và gia hạn giấy phép vướng mắc nhiều thủ tục; công tác tuyển sinh lao động, đặc biệt là lao động hầm lò gặp nhiều khó khăn, phải cạnh tranh với nhiều ngành nghề trên thị trường lao động.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018(đồng)	Năm 2019 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	1.426.576.240.995	1.188.609.682.308
1.1	Tài sản ngắn hạn	467.056.070.757	287.701.131.896
1.2	Tài sản dài hạn	959.520.170.238	900.908.550.412
	Trong đó: TSCĐ HH	569.973.598.854	491.175.142.694
2	Doanh thu thuần	1.957.178.368.772	2.077.359.207.678
3	Lợi nhuận trước thuế	29.957.002.030	43.894.101.702

4	Lợi nhuận sau thuế	21.748.793.423	25.209.596.493
---	--------------------	----------------	----------------

Trong năm 2019, Công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ các dự án khai thác, duy trì sản xuất với tổng mức đầu tư là: 78.209 triệu đồng. Hình thành tài sản cố định trích khấu hao (tăng tài sản) là: 58.961 triệu đồng. Thiết bị đầu tư dở dang cuối kỳ là: 19.248 triệu đồng, nguyên nhân do một số thiết bị đầu tư mua sắm thực hiện vào cuối Quý IV nên công tác vận hành chạy thử, nghiệm thu đưa vào sử dụng đều sau ngày 31/12/2019.

Giá trị tài sản giảm trong năm là: 16.266 triệu đồng. (tài sản thanh lý không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật)

- Hiệu quả sử dụng tài sản cố định năm 2019 được đánh giá qua chỉ tiêu Doanh thu thuần /Giá trị tài sản cố định đạt: 4,23 (Tỷ số này cao chứng tỏ tình hình hoạt động của doanh nghiệp tốt đã tạo ra doanh thu thuần cao hơn so với tài sản cố định, chứng tỏ việc đầu tư vào tài sản cố định của doanh nghiệp là xác đáng, cơ cấu hợp lý, hiệu suất sử dụng cao).

- Ngoài chỉ tiêu đã nêu trên thì công tác theo dõi trích khấu hao tài sản cố định phục vụ cho sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật thuế và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp.

b) Tình hình nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	1	2	(3=2/1)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	713.981.015.770	531.665.685.577	74,46%
1	Vay và nợ ngắn hạn	237.174.123.842	179.437.940.288	75,66%
2	Phải trả người bán	332.427.418.659	238.579.265.973	71,77%
B	Nợ dài hạn	472.812.824.015	413.700.792.451	87,50%
1	Vay và nợ dài hạn	466.510.538.186	408.950.601.496	87,66%
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	1.186.793.839.785	945.366.478.028	79,66%

Tổng các khoản nợ phải trả giảm so với đầu kỳ là: 241.427 triệu đồng, tương ứng giảm 20,34%. Không có nợ quá hạn, nợ xấu. Về cơ bản các khoản nợ phải trả giảm, trong đó khoản nợ ngắn giảm 182.315 triệu đồng, tương ứng giảm 25,54 %, nợ dài hạn giảm 59.112 triệu đồng, tương ứng giảm 12,5%. Nguyên nhân chủ yếu năm 2019 Công ty vẫn thu xếp ổn định dòng tiền để thực hiện nộp ngân sách Nhà nước, trả nợ người bán và trả lương CBCNV đúng thời hạn quy định.

Để thực hiện tốt khâu thanh toán nợ Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ, chứng từ, hợp đồng mua bán, đối chiếu công nợ hàng tháng, quý, năm. Thực hiện nghiêm túc quy định thanh toán của Tập đoàn, tích cực thu hồi công nợ phải thu giảm nợ phải trả. Khẩn trương hoàn thành các hạng mục công trình đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng tăng tài sản trích khấu hao để có nguồn trả nợ gốc vay dài hạn. Linh hoạt trong sử dụng dòng tiền để hạn chế vay nợ ngắn hạn,

cân đối vay nợ dài hạn cho phù hợp, tiết kiệm nguồn vốn để giảm gốc vay và lãi vay ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Thực hiện Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TKV ngày 30/3/2018, Công ty triển khai quyết liệt các nội dung trong đề án để tái cơ cấu tổ chức, tinh giản lực lượng lao động, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, như: Tổ chức lại SX PX VTMB để đảm bảo việc làm và thu nhập cho công nhân khi diện khai thác lộ thiên thu hẹp; Chuyển Trạm Y tế về trực thuộc phòng TCLĐ; Thành lập thêm PX ĐL3 để tăng sản lượng mét lò cho Công ty.

+ Kết quả đạt được: Số phòng ban tham mưu đã sắp xếp lại còn (13 phòng) giảm 02 phòng và 01 Trạm theo mô hình mẫu của TKV. Số đơn vị sản xuất tăng 01 PX Đào lò tuy nhiên so với mô hình mẫu của TKV vẫn thấp hơn 02 PX.

- Cùng với việc cơ cấu lại tổ chức của các phòng, PX. Công ty đã sửa đổi bổ sung các chức năng nhiệm vụ của các phòng, phân xưởng phù hợp với mô hình mới để tăng hiệu quả làm việc.

- Theo đó cán bộ công nhân viên của các đơn vị, phòng ban đã được định biên sắp xếp, bố trí phù hợp, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Công ty giao; cán bộ của các đơn vị phải sáp nhập, hợp nhất phải giảm đã được bố trí phù hợp với trình độ, năng lực của từng người, không ảnh hưởng đến tâm lý nên đã phát huy được hiệu quả.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị - Xã hội để phát triển Công ty.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (Không).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường:

Năm 2019, Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường cụ thể: Đã kiểm soát được chất lượng môi trường không để các tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất vượt các Quy chuẩn môi trường tương ứng.

Đầu tư và duy trì sửa chữa các công trình hạ tầng trong các khu vực mặt bằng công nghiệp mở đảm bảo khung trang sạch đẹp sẽ góp phần cùng địa phương xây dựng thành phố Cẩm Phả.

- Hàng năm thực hiện nạo vét khai thông các tuyến công rãnh và suối thoát nước trong khu vực, quét dọn vệ sinh môi trường trong mặt bằng công nghiệp mở, các tuyến đường và khuôn viên phục vụ các hoạt động chung của Công ty và cộng đồng dân cư.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty đã tổ chức nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới, phù hợp và có độ tin cậy về an toàn và giảm sức lao động thủ công cho Công nhân:

- Về công nghệ khai thác: Hiện nay 100 % lò chợ chống giữ bằng giá khung, giá thủy lực di động, giàn thủy lực mềm... không còn lò chợ chống gỗ, thủy lực đơn.

- Về đào chống lò: Công ty đã đầu tư máy khoan 2 cần, khoan tamroks và dây chuyền bốc xúc đất đá bằng các loại máy xúc lật hông, kết hợp goòng 3 tấn tàu điện AM 8Ä; Duy trì dây chuyền đào lò bằng máy combai AM-50Z đối với những gương lò có điều kiện địa chất cho phép; Chống lò bằng vì neo.

- Về vận tải: Đầu tư hệ thống dây chuyền vận tải trên các tuyến lò nghiêng điều kiện hợp lý lắp đặt băng tải vận chuyển đất đá, than; đường lò bằng dài hệ thống tàu điện AM 8Ä và goòng 3 tấn vận chuyển vật liệu, đất đá, than; đầu tư hệ thống Camera theo dõi ở các tuyến trục chính và các vị trí sản xuất; đầu tư hệ thống máy nạo vét than, đất đá dính goòng 3 tấn tại các mức trong hầm lò; Trang bị đầy đủ hệ thống mono ray, tời thuyền chở vật liệu đến tận gương lò giảm thiểu công tác vận chuyển thủ công; quy hoạch diện sản xuất cho các đơn vị phù hợp giảm thiểu tối đa số lần chuyển diện trong năm.

- Các giải pháp về vận chuyển người từ cửa lò đến gần gương lò: Công ty đã cơ giới hóa toàn bộ tuyến đi lại và làm việc trong hầm lò, trang bị các thiết bị máy móc giảm bớt sức lao động và an toàn trong quá trình sản xuất:

- Duy trì 04 hệ thống tời chở người ở các tuyến lò nghiêng phục vụ công tác đi lại cho CBCN, duy trì việc vận chuyển người trong các tuyến lò bằng ở các mức bằng hệ thống tàu điện AM 8Ä và toa xe chuyên dùng.

- Lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi tại mặt bằng sân công nghiệp và các vị trí sản xuất trong hầm lò có hàm lượng bụi cao.

- Công ty đã đầu tư hệ thống cảnh báo khí mêtan tự động của Balan với 02 tủ KSP-2C được kết nối với 50 đầu đo khí CH₄, 18 đầu đo khí CO, 16 đầu đo gió tại các vị trí quan trọng, 03 đầu đo hạ áp, 05 đầu đo H₂ và duy trì hệ thống luôn trong tình trạng hoạt động ổn định.

- Công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Công ty đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, đào thêm nghề cho một số đối tượng đáp ứng được yêu cầu SXKD và nguyện vọng của cá nhân.

- Công tác tuyển lao động để đưa đi đào tạo nghề: Năm qua Công ty đã phối kết hợp với các trường để tuyển dụng lao động, chủ động liên hệ với các địa phương vùng cao, vùng có khó khăn về kinh tế, việc làm trong Tỉnh để tuyển lao động đi đào tạo thợ lò. Tuy nhiên kế quả chưa đạt được kế hoạch đã đặt ra.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Năm 2019, nhu cầu thị trường than trong nước tăng cao (đặc biệt là than cho sản xuất điện) giá than trong nước và giá than thế giới được điều chỉnh tạo đà cho công tác SX và tiêu thụ than; điều kiện thời tiết thuận lợi. Tập đoàn đã điều chỉnh tăng thêm sản lượng cung cấp than sản xuất điện, đồng thời tổ chức phát động chiến dịch thi đua 90 ngày đêm sản xuất, tiêu thụ than; hưởng ứng chiến dịch, tập thể, CBCNV lao động toàn Công ty đã phát huy tối đa mọi nguồn lực, cùng nhau đoàn kết, do đó Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD năm 2019;

Đạt được thành tích nêu trên ngoài sự cố gắng nỗ lực của cán bộ, CNVC toàn Công ty trong việc điều hành sản xuất, còn có sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam và sự phối hợp giúp đỡ của chính quyền địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn một số khó khăn đó là: Đối với Công ty sản xuất ngày càng xuống sâu, đi xa, điều kiện khai thác khó khăn; thuế phí ở mức cao, thẩm định các dự án, cấp và gia hạn giấy phép vướng mắc nhiều thủ tục; công tác tuyển sinh lao động, đặc biệt là lao động hầm lò gặp nhiều khó khăn, phải cạnh tranh với nhiều ngành nghề trên thị trường lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty: Trong thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản- an toàn lao động.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và giao Giám đốc Công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc, các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ

đạo điều hành các phòng, ban công trường phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc đạt hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và duy trì phát triển Công ty ổn định.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
				Đại diện	Sở hữu	
1	Trần Thế Thành	Chủ tịch	Không ĐH	54,03	0	01/03/2020
2	Nguyễn Quế Thanh	Ủy viên	Điều hành		0	(01/01:- 31/12)/2019
3	Vũ Tiến Quang	Ủy viên	Điều hành		0,005	(24/04:- 31/12)/2019
4	Hoàng Trọng Hiệp	Ủy viên	Điều hành		0,004	(24/04:- 31/12)/2019
5	Vadym D'omin	Ủy viên	Không ĐH	16,99	0	(01/01:- 31/12)/2019

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 02 (hai) thành viên không điều hành và 03 (ba) thành viên điều hành. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

b) *Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:* Công ty không thành lập tiểu ban.

c) *Hoạt động của Hội đồng Quản trị:* Trong năm 2019 Hội đồng Quản trị Công ty không có sự thay đổi về nhân sự, Các Ủy viên HĐQT thực hiện nghiêm túc chức trách nhiệm vụ được giao, cụ thể:

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 25 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 25 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, Nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Phụ lục 01 kèm theo):

- Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

d) Hoạt động của uỷ viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Trong năm 2019, ông Vadym D'omin là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát : Trong năm 2019, Ban kiểm soát của Công ty không có sự thay đổi.

Danh sách Ban kiểm soát năm 2019, bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
			Đại diện	Sở hữu	
1	Nguyễn Thị Tâm	Trưởng Ban		0	31/12/2019
2	Dương Hải Yến	Thành viên		0,010%	31/12/2019
3	Nguyễn Thế Hanh	Thành viên		0,009%	31/12/2019

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát: Trong năm 2019 Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương - Viancomin tổ chức 06 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, bao gồm:

- Tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư XDCB và báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, trong mỗi kỳ họp ban kiểm soát đều ban hành Biên bản làm việc tại cuối mỗi kỳ kiểm soát Ban Kiểm soát đã thống nhất biên bản và thông qua HĐQT, lãnh đạo điều hành Công ty để thống nhất các nhận xét đánh giá và kiến nghị của ban kiểm soát về hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, lãnh đạo điều hành

Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XD/CB và tính cần trọng, trung thực trong báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty.

- Tổ chức 02 cuộc họp để tham gia thẩm định các dự án đầu tư và xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý của Công ty.

- Tham các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty mời để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát công ty về việc tham gia các ý kiến trong quản lý điều hành và phê duyệt các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư XD/CB, thẩm định và thông qua các quy chế quản lý của Công ty...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 với tổng số tiền là: 393.60 triệu đồng

* Lương, thưởng của ban Giám đốc: Ban giám đốc Công ty có 07 thành viên. Trong năm 2019. Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc với tổng số tiền là: 2.949 triệu đồng

* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2019 như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	228,48		228,48	
2	Ban Kiểm soát	3	165,12		165,12	
3	Ban Giám đốc	7	2.949	2.949		
	Tổng số		3.342,60	2.949	393,60	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Không có)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Trong năm 2019 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 48/2020/BCKT- PKF.VPC ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam.

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, và được phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: mongduongcoal.vn

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN, TT LKCKVN (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT (5)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thế Thành

Phụ lục 01: Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2019

TT	SỐ NQ	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG
1	03/NQ-HĐQT	23/01/2019	<p>(1) Thông qua kết quả thực hiện công tác Đầu tư và xây dựng năm 2018 và phê duyệt Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2019. (2) Thông qua chủ trương đầu tư, đề cương và chi phí tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác và áp dụng cơ giới hóa đồng bộ thu hồi thannoc hạng nhẹ tại Công ty CP than Mông Dương. (3) Thông qua chủ trương đầu tư, đề cương và chi phí tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án Đầu tư tự động hóa hệ thống bơm và kiểm soát nước mỏ tại hầm bơm mức -250 khu ĐB Mông Dương. (4) Thông qua chủ trương đầu tư, Đề cương và chi phí tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án xây dựng công trình khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương - Công ty than Mông Dương (tầng từ -250 đến -550 khu TT Mông Dương và -150 đến -550 khu ĐB Mông Dương) (Duy trì). (5) Thông qua chủ trương đầu tư, đề cương và chi phí tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án Đầu tư tự động hóa hệ thống hầm bơm và kiểm soát nước tại hầm bơm mức -250 khu ĐB Mông Dương - Mỏ than Mông Dương. (6) Thông qua chi nguồn Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019- Công ty CP than Mông Dương. (7) Thông qua chi nguồn Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 - Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin. (8) Thông qua kết quả SXKD năm 2019- Công ty CP than Mông Dương</p>
2	06/NQ-HĐQT	12/2/2019	<p>(1) Thông qua phương án bố trí cán bộ cho các PX, Phòng ban thuộc Công ty Cp than Mông Dương- Vinacomin</p>
3	07/NQ-HĐQT	20/02/2019	<p>(1) Thông qua giao khoán các chỉ tiêu kế hoạch PHKD năm 2019 - Công ty CP than Mông Dương.</p>
4	09/NQ-HĐQT	25/02/2019	<p>(1) Bổ nhiệm cán bộ của Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin. (2) Thông qua nội dung kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2019 của Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin.</p>
5	12/NQ-HĐQT	12/3/2019	<p>(1) Thông qua chuyển xếp thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương cho cán bộ công nhân viên trong Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin.</p>

6	17/NQ-HĐQT	4/4/2019	(1) Thông qua phê duyệt " Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng Công ty Cp than Mông Dương- Vinacomin". (2) Thông qua TKBVTC-DT và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công các (07) hạng mục đường lò thuộc sân ga mức -400 khu TT Mông Dương - Công ty Cp than Mông Dương. (3) Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thi công đào chống các hạng mục công trình: Trạm sục mức -250 TT- Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin. (4) Thông qua nội dung, chương trình đề trình Đại hội cổ đông. (5) V/v phê duyệt Quy chế tổ chức quản lý và thực hiện công tác ATVSLĐ của Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin.
7	20/NQ-HĐQT	25/04/2019	(1) Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh để trình ĐHCĐ thường niên năm 2019 - Công ty CP than Mông Dương.
8	24/NQ-HĐQT	2/5/2019	(1) Thông qua phương án bổ nhiệm lại cán bộ thời gian giữ chức vụ Công ty Cp than Mông Dương- Vinacomin. (2) Thông qua triển khai thực hiện khối lượng thăm dò, khảo sát thoe kế hoạch kỹ thuật công nghệ năm 2019- Công ty CP than Mông Dương Vinacomin. (3) Thông qua Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019- Công ty CP than Mông Dương Vinacomin. (4) Thông qua chủ trương đầu tư, đề cương và chi phí tưu vắn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tu hệ thống tự động hóa trạm gió chính- CÔNG ty CP than Mông Dương Vinacomin.(5) Thông qua phê duyệt chủ trương đầu tưu, đề cương và chi phí tưu vắn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu ue thiết bị lò chowej giá thủy lực di động liên kết bằng xích- Công ty CP than Mông Dương Vinacomin.(6) Thông qua phương án bổ nhiệm Quản đốc pX.KT5 Công ty CP than Mông Dương Vinacomin.
9	26/NQ-HĐQT	13/5/2019	(1) Thông qua cử cán bộ đi thăm quan, khảo sát công nghệ ở nước ngoài.(2) Thông qua phương án khai thác vỉa H.10 khu vực đông bắc Mông Dương và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công, công đoạn: Khoan lỗ mìn bằng máy khoan có đường kính 105mm phục vụ sản xuất năm 2019- Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin.
10	30/NQ-HĐQT	23/5/2019	(1) Thông qua quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2022 (Điều chỉnh bổ sung năm 2019) và Quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025- Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin.(2) Thông qua kéo dài thời hạn giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin với ông Hoàng Trọng Hiệp.(3) Thông qua phương án khoan thăm dò năm 2019 phục vụ khai thác mỏ than Mông Dương- Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin;

11	34/NQ-HDQT	6/6/2019	(1)Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thi công các (07) hạng mục đường lò thuộc sân ga mức - 400 khu Trung tâm Mông Dương - Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin;(2)Thông qua chủ trương đầu tư, nhiệm vụ thiết kế và dự toán lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đường sắt khu vực kho than Trung tâm Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin;
12	37/NQ-HDQT	25/6/2019	(1)Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Cung cấp thiết bị tời vận tải người và vận tải vật liệu trong hầm lò; thuộc dự án Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019- Công ty cổ phần than Mông Dương.(2)Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Cung cấp hệ thống thiết bị vận tải vật liệu trong hầm lò và thiết bị nghiền than; thuộc dự án Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019- Công ty Cổ phần than Mông Dương.(3)Thông qua điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan-Mỏ than Mông Dương.(4)Thông qua Phương án kỹ thuật và dự toán công trình: Đo vẽ bản đồ địa hình và quan trắc dịch động tại Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin năm 2019.
13	40/NQ-HDQT	5/7/2019	(1) Thông qua việc cử đoàn cán bộ đi khảo sát, tìm hiểu công nghệ khai thác cơ giới hóa hạng nhẹ tại Trung Quốc. (2) thông qua kế hoạch vay vốn ngắn hạn, dài hạn năm 2019 Công ty CP than Mông Dương. (3) Thông qua báo cáo tình hình thực hiện quyết toán, hoàn thành công tác đầu tư xây dựng đến thời điểm 30/6/2019.
14	43/NQ-HDQT	16/7/2019	(1) Thông qua nội dung dự án Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác áp dụng cơ giới hóa động bộ thu hồi nóc hạng nhẹ tại Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin
15	46/NQ-HDQT	23/7/2019	(1) Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu : Thi công đào chống các hạng mục công trình: Lò DVVC mức -250 N5 . Cánh tây và lò XV (-140/-100) N5 - M6 . Cánh tây - Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin.
16	52/NQ-HDQT	5/8/2019	(1) Thông qua PA tổ chức cho CBCNV xuất sắc của Công ty đi nghỉ dưỡng tại nước ngoài - Dubai

17	56/NQ-HĐQT	20/09/2019	<p>(1) Thông qua TKBVTC – DT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, công trình: Thi công hạng mục công trình Đào chống lò DVVC mức – 250 L7. Cánh Đông – Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin; (2) Thông qua tờ trình xin trả Khu nhà mẫu giáo thuê theo Quyết định 3421/QĐ-UBND ngày 27/9/2002 của UBND tỉnh Quảng Ninh cho địa phương quản lý; (3) Thông qua báo cáo hoàn thiện hồ sơ xin trả đất khu Tái định cư tại khu 11 phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; (4) Thông qua tờ trình phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động công tác thanh tra trong Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; (5) Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Cung cấp băng tải vận tải than B800 ÷ B1000 thuộc dự án Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019- Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin; (6) Thông qua báo cáo nội dung dự án Đầu tư XDCT khu nhà ở công nhân-Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin (điều chỉnh); (7) Thông qua báo cáo tình hình thực hiện quyết toán, hoàn thành công tác đầu tư đến thời điểm 19/9/2019; (8) Thông qua tờ trình phê duyệt Quy chế khoán, quản trị chi phí nội bộ của Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin.</p>
18	59/NQ-HĐQT	11/10/2019	<p>(1) Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp thiết bị lò chợ cơ giới hóa đồng bộ thu hồi than nóc – Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin; (2) Thông qua bổ nhiệm lại cán bộ hết nhiệm kỳ giữ chức- Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin; (3) Thông qua Quy chế quản lý cán bộ của Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin; (4) Thông qua Quy chế quản lý lao động, tiền lương và phân phối thu nhập của Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin; (5) Thông qua thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) – dự toán khối lượng bổ sung kế hoạch năm 2019 thuộc phương án thăm dò phục vụ khai thác giai đoạn 2019 – 2020, kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 trong ranh giới GPKT số 2760/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 khu TT mỏ than Mông Dương; (6) Thông qua báo cáo kết quả thực hiện tăng tỷ lệ sở hữu vốn của TKV tại Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin; (7) Thông qua TKBVTC – DT và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, công trình: thi công đào chống các hạng mục đường lò: Lò DVVC mức -250 M6 Cánh Đông; Lò DVVC mức -100 M6 Cánh tây; Lò XVVC mức -250 M6-N5 Cánh tây; Lò XVVC mức -250 L7-M6 Vũ môn – Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin.</p>

19	62/NQ - HĐQT	30/10/2019	(1) Thông qua Phương án thành lập Phân xưởng Đào lò 3. (2) Thông qua Phương án bố trí cán bộ Phân xưởng Đào lò 3.(3) Thông qua bổ nhiệm lại chức vụ Phó giám đốc Hoàng Trọng Hiệp – Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin. (4) Thông qua kết quả SXKD tháng 10 năm 2019, Triển khai nhiệm vụ tháng 11 năm 2019.
20	65/NQ-HĐQT	12/11/2019	(1) Thông qua thanh lý nhượng bán tài sản cố định, hết khấu hao không còn khả năng sửa chữa, phục hồi.
21	68/NQ-HĐQT	28/11/2019	(1) Thông qua kết quả thực hiện công tác Đầu tư và xây dựng 10 tháng năm 2019 và phê duyệt Kế hoạch Đầu tư và Xây dựng năm 2019 (Điều chỉnh). (2) Thông qua Phê duyệt chủ trương đầu tư, Đề cương và chi phí tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư thiết bị nâng cao năng lực đào lò mỏ than Mông Dương - Công ty Cổ phần than Mông Dương. (3) Thông qua phê duyệt Quy chế quản lý Vật tư của Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin. (4) Thông qua kết quả SXKD tháng 11 năm 2019; KH tháng 12 và ước thực hiện năm 2019.
22	74/NQ- HĐQT	16/12/2019	(1) Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thi công đào chống các hạng mục công trình: Đào chống lò DVVC mức -250 L7. Cánh đông - Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin. (2) Thông qua Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở tại Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin.
23	77/NQ-HĐQT	19/12/2019	(1) Thông qua thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) khối lượng - Dự toán thuộc Đề án thăm dò mỏ than Bắc Cọc Sáu (viết tắt là TKBVTCKL-DT). (2) Thông qua xin trả một phần diện tích thuê đất khu ngập lụt 9,8 và khu Cánh Đông cho địa phương quản lý. (3) Thông qua cử Hội đồng khảo nghiệm thiết bị cơ giới hóa đồng bộ của Công ty đi Trung Quốc.
24	80/NQ-HĐQT	25/12/2019	(1) Thông qua việc làm rõ nội dung tại Điều 2 khoản 2.3 NQ 40/HĐQT ngày 05/7/2019.
25	83/NQ-HĐQT	27/12/2019	(1) Thông qua TKBVTC-DT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Thi Công các (16) hạng mục đường lò thuộc sân ga mức - 400 khu Trung tâm Mông Dương - Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin. (2) Thông qua phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan - Mỏ than Mông Dương.